TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST Ngày 27 tháng 9 năm 2024 V/v xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung sau ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cầm Ngọc Thương

***Các Hội thẩm nhân dân*:** Ông Hà Văn Sơ và ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Tường Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị M, sinh năm 1985. Địa chỉ: Bản V, xã F, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Quàng Văn Đ, sinh năm 1979. Địa chỉ: Bản V, xã F, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị M trình bày như sau:

Chị và anh Quàng Văn Đ kết hôn từ năm 2004 trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã F, huyện Mai Sơn vào ngày 22/12/2004 và được hai bên gia tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc khoảng năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong anh Đ nghi ngờ, ghen tuông, từ đó thường xuyên đánh chửi chị, nhiều lần xúc phạm chị. Sau khi được gia đình hòa giải,

chúng tôi đã cố gắng hàn gắn nhưng anh Đ vẫn luôn không tin tưởng nên cuộc sống vợ chồng lục đục, tình cảm rạn nứt. Nay xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Quàng Văn G, sinh ngày 21/5/2005 và cháu Quàng Văn Gs, sinh ngày 09/2/2008. Cháu G đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Gs, chị tôn trọng sự lựa chọn của cháu về việc muốn ở với ai khi ly hôn.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh chị tự thỏa thuận với nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng : Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Quàng Văn Đ đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản có ý kiến về việc chị M xin ly hôn. Do đó, Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của chị M và anh Đ nơi cư trú của anh chị và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị M và anh Quàng Văn Đ. Về con chung: Cháu G đã trưởng thành, đề nghị Tòa án không xem xét. Giao cháu Quàng Văn Gs, sinh ngày 09/2/2008 cho chị Lò Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Ghi nhận chị M không đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung vợ chồng và nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn về việc xin ly hôn với anh Quàng Văn Đ có nơi cư trú tại Bản V, xã F, huyện Mai Sơn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, phân chia tài sản chung và nợ chung là đúng quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Lò Thị M và anh Quàng Văn Đ kết hôn với nhau từ năm 2004 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và không bị ai ép buộc. Anh chị đã được UBND xã F, huyện Mai Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/11/2004, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết, chị M cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đ ghen tuông dẫn đến vợ chồng đánh chửi nhau, xúc phạm nhau, cuộc sống không hòa thuận, cuộc sống không hạnh phúc. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại gia đình và địa phương thể hiện, vợ chồng chị M và anh Đ có mâu thuẫn khoảng năm 2018 – 2019 do vợ chồng ghen tuông, sau khi được ban quản lý bản hòa giải đã quay lại Đ tụ. Các đây khoảng hơn 01 năm, vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, anh Đ đi làm công nhân (không rõ địa chỉ), thỉnh thoảng mới trở về nhà. Hội đồng xét xử xét thấy, có căn cứ xác định anh Đ biết việc chị M xin ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị M cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh Đ đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Lò Thị M và anh Quàng Văn Đ.

[2.2] Về con chung: Chị M và anh Đ có 02 con chung là cháu Quàng Văn G, sinh ngày 21/5/2005 và cháu Quàng Văn Gs, sinh ngày 09/2/2008. Chị M tôn trọng sự lựa chọn của con về việc muốn ở cùng ai khi giải quyết ly hôn. Qua xác minh tại Ban quản lý Bản và gia đình thể hiện trong thời gian anh Đ đi làm xa, hai cháu ở với chị M. Tại văn bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Gs có nguyện vọng ở cùng chị M. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Quàng Văn G đã trưởng thành nên không xem xét. Đối với cháu Quàng Văn Gs có nguyện vọng ở cùng chị M, anh Đ hiện không có mặt tại địa phương. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung nên cần chấp nhận ý kiến của cháu Gs, giao cháu Quàng Văn Gs cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ: Chị M không đề nghị anh Đ cấp dưỡng và cam kết đủ điều kiện nuôi dưỡng con. Xét đây là yêu cầu tự nguyện của chị M nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M không kê khai và không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Đ không thể hiện ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị M phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườn, vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị M và anh Quàng Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Quàng Văn Gs, sinh ngày 09/2/2008 cho chị Lò Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Ghi nhận chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ cùng chị.

Sau khi ly hôn, anh Đ được quyền thăm nom con theo quy định, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Lò Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VND (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002041 ngày 01 tháng 8 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ban án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Ủy ban nhân dân xã F;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cầm Ngọc Thương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA